

# Thực trạng năng lực tự chủ trong việc học tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Vinh

Lê Thị Tuyết Hạnh

Trường Đại học Vinh  
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam  
Email:lehạnh@vinhuni.edu.vn

**TÓM TẮT:** *Năng lực tự chủ trong học tập đang rất được quan tâm bởi các nhà giáo dục trong và ngoài nước. Nghiên cứu này được tiến hành thông qua phiếu điều tra và phỏng vấn sau điều tra với các sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Vinh. Kết quả của nghiên cứu đã chỉ ra rằng, năng lực tự chủ trong việc học tiếng Anh của đối tượng khảo sát ở mức độ trung bình, giáo viên vẫn được xem là nguồn cung cấp kiến thức quan trọng nhất trong quá trình học của đối tượng nghiên cứu. Từ những thực tế, nghiên cứu đã đưa ra một số gợi ý để cải tiến việc dạy và học tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực tự học trong quá trình học tiếng Anh của sinh viên đại học.*

**TỪ KHÓA:** *Năng lực tự chủ; năng lực tự chủ trong học tập; tiếng Anh; sự kiểm soát.*

→ Nhận bài 15/11/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/12/2018 → Duyệt đăng 25/02/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Việc sử dụng thành thạo tiếng Anh ngày càng khẳng định sự cần thiết trong xu thế hội nhập đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam. Tuy nhiên, cho dù Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 đã đi gần hết chặng đường nhưng những gì đề án mang lại chưa đáp ứng được tham vọng mà nó đề ra. Theo tác giả Hoài Thương (2017), hầu hết học sinh (HS) đã được học tiếng Anh từ 7 đến 10 năm nhưng không thể thực hiện được các giao tiếp cơ bản. Bên cạnh đó, số liệu thống kê của các kì thi phổ thông những năm gần đây cho thấy khả năng tiếng Anh của HS phổ thông còn rất hạn chế. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lành, Phạm Lương Giang và Nguyễn Thị Phương Thảo (2018) đã cho thấy rằng chỉ có 22% sinh viên (SV) có điểm tiếng Anh đầu vào tại Trường Đại học (ĐH) Vinh đạt điểm A2, tương đương bậc 2 khung năng lực (NL) 6 bậc của Việt Nam. Ngoài những nguyên nhân được đề cập trong các nghiên cứu trước, nghiên cứu đã chỉ ra rằng, một trong những nguyên nhân nổi bật là thời gian trên lớp học dành cho môn học còn ít và tính tự chủ của SV còn hạn chế.

Trên thực tế, NL tự chủ và tự học được các nhà quản lí và các nhà giáo dục (GD) xem như là một trong những mục tiêu hàng đầu trong công cuộc đổi mới GD hiện nay. Chính vì vậy, NL tự chủ và tự học được xem như một trong bốn NL chủ chốt trong chương trình đào tạo phổ thông mới của Bộ GD và Đào tạo (2018). Vì vậy, việc phát triển NL này là điều rất cần thiết. Vấn đề này trở nên cấp bách hơn vì SV ở Trường ĐH Vinh đang được đào tạo theo chương trình tiếp cận CDIO, một hệ thống đào tạo đòi hỏi người học có tính tự học cao hơn bao giờ hết thì mới bắt nhịp được với bản chất của nó. Nghiên cứu này cố gắng tìm hiểu về NL tự chủ trong việc học tiếng Anh của SV Trường ĐH Vinh, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao tính tự chủ của mỗi SV, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của nhà trường.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số thuật ngữ cơ bản

#### 2.1.1. Năng lực tự chủ trong học tập

Trong việc học ngoại ngữ, tự chủ trong học tập (autonomy in learning) đang trở thành mối quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu với quan niệm rằng đức tính này có thể tạo cơ hội thành công trong việc tiếp thu một ngoại ngữ nào đó. Hiện nay, tính tự chủ trong học tập được hiểu với nhiều góc độ khác nhau. Với một số tác giả, tự chủ được xem như việc tự kiểm soát trong quá trình học tập (Benson, 1997; Pemberton, 1996).

Những tác giả khác lại nhấn mạnh khía cạnh chịu trách nhiệm cho việc học của mình (Holec, 1981; Kohonen, 1992). Tự chủ còn được xem như khả năng phát triển chiến thuật một cách hệ thống để giúp người học độc lập trong quá trình học (Wenden, 1987; Dickinson, 1992). Rogers (1961) và Savage & Storer (1992) lại nhìn về khía cạnh tự định hướng trong việc học.

Cho đến nay, vẫn chưa có một quan điểm chính thức đồng nhất nào về tính tự chủ nói chung và tính tự chủ trong học ngoại ngữ nói riêng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét tính tự chủ trong học tập dưới góc nhìn của Benson (2007, p.21): “*Tính tự chủ trong học tập nói về việc người học kiểm soát việc học của mình cả trong và ngoài lớp học. Tính tự chủ trong việc học ngôn ngữ là việc người học làm chủ mục đích học ngôn ngữ của mình và làm chủ cách thức học ngôn ngữ đó.*”

#### 2.1.2. Các góc độ của năng lực tự chủ

Trong nghiên cứu này, dựa theo quan điểm của Benson (2007), chúng tôi đánh giá NL tự chủ theo 3 góc độ sau: Khả năng kiểm soát quá trình học; Khả năng kiểm soát nguồn học; Khả năng kiểm soát ngôn ngữ. Khái niệm “khả năng kiểm soát” được dịch từ khái niệm “control” trong tiếng Anh. Benson muốn sử dụng khái niệm này hơn là khái niệm “trách nhiệm” (responsibility) vì ông muốn nhấn

manh đến cái quyền (right) trong NL tự chủ hơn là trách nhiệm trong NL đó.

- **Khả năng kiểm soát quá trình học:** Theo Benson (2007), loại NL này là một trong những trung tâm của các cuộc tranh luận về NL tự chủ trong học tập. Ở góc độ này, NL tự chủ được xem xét thông qua khả năng kiểm soát của GV đối với người học. GV có thể duy trì một sự kiểm soát nào đó trong quá trình dạy học.

Ngoài ra, việc giúp người học ý thức về bối cảnh xã hội mà ngoại ngữ đó đang được sử dụng cũng quan trọng không kém. Bối cảnh xã hội của việc học ngoại ngữ này bao gồm các chức năng của ngôn ngữ đối với hệ thống GD cũng như trong toàn xã hội và thái độ của người học đối với chức năng đó. Việc tìm hiểu về bối cảnh xã hội như vậy sẽ giúp người học đưa ra quyết định không những về việc học cái gì, học như thế nào mà còn về lí do tại sao họ học ngôn ngữ đó.

- **Khả năng kiểm soát nguồn học liệu:** Nguồn học liệu được đề cập đến ở đây bao gồm GV, tài liệu học tập, các vấn đề liên quan đến khối lượng công việc và thời gian cho học tập. Khả năng kiểm soát nguồn học liệu được thể hiện qua việc tự tìm hiểu và nhu cầu kiểm soát nguồn học liệu có sẵn của người học. Việc kiểm soát này có thể bao gồm việc kiểm soát trực tiếp và sự quan tâm về nguồn học liệu đó.

- **Khả năng kiểm soát ngôn ngữ:** Khả năng này được xem như khả năng đối chiếu ngôn ngữ được học với ngôn ngữ chuẩn. Trong bối cảnh dạy và học ngoại ngữ, ngôn ngữ của người bản ngữ có thể được xem như chuẩn để đánh giá. Quá trình kiểm soát này dẫn đến sự chuyển đổi người học, từ một người học ngoại ngữ thành người sử dụng hay người sản sinh của ngôn ngữ đó.

## 2.2. Tổ chức khảo sát

### 2.2.1 Mục đích khảo sát

Khảo sát được thực hiện nhằm tìm hiểu về thực trạng NL tự chủ trong việc học tiếng Anh của SV đang theo học tại Trường ĐH Vinh. Thực trạng này được đo qua ba góc độ khác nhau: Khả năng kiểm soát quá trình học; Khả năng kiểm soát nguồn học liệu; Khả năng kiểm soát ngôn ngữ.

### 2.2.2. Đối tượng và quy mô mẫu khảo sát

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu này là 312 SV không chuyên ngữ năm thứ nhất đang theo học học kì đầu tiên tại các Khoa/Viện khác nhau thuộc Trường ĐH Vinh. Tất cả các SV này đều đã học cùng chương trình tiếng Anh phổ thông 7 năm và đang theo học môn tiếng Anh 1 tại Trường ĐH Vinh. Những SV này đến từ các vùng miền khác nhau thuộc các tỉnh Bắc Trung Bộ, trong đó có 85% thuộc các khu vực đồng bằng, miền núi, 15% thuộc thành phố. Chúng tôi chọn những SV năm thứ nhất làm đối tượng khảo sát để có cái nhìn toàn cảnh về NL tự chủ của đối tượng chưa qua tác động của môi trường đào tạo ở ĐH.

### 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng tự lực trong học tiếng Anh của SV

Trường ĐH Vinh, chúng tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát điều tra và phỏng vấn sâu.

### 2.2.4. Phiếu khảo sát năng lực tự học tiếng Anh

Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên 3 tiêu chí đánh giá NL tự chủ của Benson (2007): NL kiểm soát quá trình học, NL kiểm soát nguồn học liệu và NL kiểm soát ngôn ngữ.

Bộ câu hỏi này bao gồm 50 câu hỏi, được thiết kế theo thang Likert từ 1 (không bao giờ) đến 5 (luôn luôn). Các câu hỏi liên quan đến 3 NL kể trên được phân bổ rải rác nhằm đảm bảo tính khách quan từ đối tượng tham gia khảo sát. Số liệu sau đó được thống kê và xử lí thông qua phần mềm SPSS. Độ tin cậy của bảng câu hỏi đã được kiểm duyệt là 0.844. SV cần 30 phút để hoàn thành phiếu này.

### 2.2.5. Phỏng vấn sâu

Những câu hỏi phỏng vấn sâu được tiến hành sau khi thống kê kết quả các bảng khảo sát. Những cuộc phỏng vấn này diễn ra việc thiết lập nhóm thông qua các trang mạng xã hội như Facebook và Zalo hoặc qua điện thoại nếu cần thiết. Có tất cả 20 SV tham gia phỏng vấn. Câu hỏi nghiên cứu được thực hiện tập trung vào các nội dung sau:

- Những yếu tố ảnh hưởng đến NL tự chủ trong học tập của SV,
- Những phương pháp, cách học yêu thích của SV,
- Những nguồn học liệu của SV.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1 cho thấy rằng NL tự học tiếng Anh của SV ĐH trước nghiên cứu chỉ đạt ở mức độ trung bình với bình quân 3.07, tương đương với bậc “thỉnh thoảng” trong bộ câu hỏi. Số liệu này sau đó được phân theo 3 góc độ kiểm soát đã nêu ở trên để có một cái nhìn chi tiết hơn về thực trạng NL tự học của SV tham gia nghiên cứu, kết quả đó như sau (xem Bảng 1):

**Bảng 1: NL tự chủ của SV theo 3 góc độ kiểm soát**

	Số câu hỏi	Số SV	Trung bình	Độ lệch chuẩn
NL kiểm soát quá trình học	18	312	2.95	.56636
NL kiểm soát nguồn học liệu	17	312	2.92	.54834
NL kiểm soát ngôn ngữ	15	312	3.35	.37128
Tổng	50	312	3.07	.48533

- **Khả năng kiểm soát quá trình học:** Có 18 câu hỏi dành để khảo sát khả năng kiểm soát quá trình học của người học, trong đó có 10 câu hỏi đánh giá cách nhìn nhận vai trò của người GV của SV và 8 câu hỏi được soạn để đánh giá về nhận thức của SV về vai trò của tiếng Anh trong xã hội hiện tại. Mặc dù những SV này ý thức rất rõ về tầm quan

trọng của tiếng Anh trong môi trường hiện nay, ý thức về NL tự chủ của các em vẫn chưa cao. Trong ba góc độ được xét ở trên, NL kiểm soát quá trình học chỉ chiếm 2.95 điểm trung bình, tương đương với mức độ “thỉnh thoảng”. Điều đó chứng tỏ SV vẫn còn phụ thuộc vào GV trong việc đặt mục tiêu cho mình cũng như làm chủ các hoạt động học của mình. Số điểm thấp nhất ở nhóm này rơi vào 3 ba câu hỏi: “GV nên cung cấp tất cả các câu trả lời cho mọi thắc mắc của tôi”; “Tôi muốn GV giúp tôi tiến bộ trong các bài học”; và “Tôi muốn GV giúp tôi tiến bộ ngoài lớp học.” với số điểm trung bình tương ứng là 1.75; 1.57; 1.79, tương đương với thang “thường xuyên” trong bảng khảo sát.

Điều này cũng chứng tỏ rằng GV vẫn là nguồn tri thức mà SV mong muốn có được câu trả lời cho những thắc mắc của họ. Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn cũng cho thấy SV đánh giá rất cao nguồn kiến thức được cung cấp bởi GV. Hơn nữa, quan niệm tiến bộ trong học tập của họ không thể vắng bóng của người dạy. Tuy nhiên, họ không chủ động được phương pháp học cho phù hợp với nhu cầu của mình.

- **Khả năng kiểm soát nguồn học liệu:** Góc độ điều tra này cũng cho thấy một kết quả dưới trung bình (2.92). SV ĐH trong điều tra này vẫn còn phụ thuộc rất nhiều những nguồn học liệu truyền thống như từ điển, GV và sách học. Số điểm cao nhất cho nhóm này thuộc về “Tôi chọn các quyển sách và các bài tập phù hợp với tôi, không quá khó cũng không quá dễ”; “Tôi tự tìm hiểu những tài liệu tiếng Anh để tham khảo.”; “Tôi tra từ điển để tìm từ mới” với điểm trung bình tương ứng là 3.5, 3.68 và 3.69. Tuy nhiên, chỉ có 2 trên 20 người tham gia phỏng vấn thực sự có tài liệu học thêm tiếng Anh ở nhà và đăng kí chương trình học thêm trực tuyến. Điểm số thấp nhất thuộc về “Tôi nói chuyện hoặc viết thư cho GV để trao đổi việc học tiếng Anh.” với điểm trung bình là 2.02 tương đương với mức độ “hiếm khi”. Kết quả này cũng chỉ ra rằng cho dù SV đánh giá cao vị trí của GV trong quá trình học của họ, nhưng họ vẫn thụ động, hiếm khi trao đổi với GV về những vấn đề của mình.

Bên cạnh đó, số liệu từ phỏng vấn cho thấy rằng mặc dù với sự phát triển công nghệ nhanh chóng như hiện nay, các em ý thức được về việc các nguồn học liệu nhanh chóng được cập nhật qua Internet thông qua phim ảnh, các phần mềm tự học. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào người GV trong việc kiểm soát nguồn học liệu là khá lớn. Câu trả lời nhận được từ các cuộc phỏng vấn sâu là SV không biết phải chọn nguồn học và bắt đầu học như thế nào.

Bên cạnh đó, các nguồn học liệu này thường không gây hứng thú lâu dài cho người học trong nghiên cứu này, nguyên nhân được chỉ ra là hoặc SV không đủ kiên nhẫn học một mình lâu dài, hoặc các phần mềm miễn phí không phù hợp hoặc quá đơn điệu để thu hút người học.

- **Khả năng kiểm soát ngôn ngữ:** Mười lăm câu hỏi còn lại trong bảng câu hỏi về NL tự học tập trung vào khả năng kiểm soát ngôn ngữ của người học. Khả năng kiểm soát ngôn ngữ được thể hiện ở việc ý thức về trình độ tiếng của mình, so sánh đối chiếu ngôn ngữ chuẩn cũng như khai thác các phương pháp học để đạt chuẩn về âm cũng như nội

dung của ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, điểm trung bình chung trong nhóm này lại cao nhất, đạt 3.35 cho dù số điểm này vẫn chỉ cao hơn mức độ “thỉnh thoảng” 0.35 điểm. Số điểm cao nhất này cũng được hiểu rằng SV ý thức khá rõ về khả năng tiếng Anh của mình và luôn có mong muốn được cải thiện nó.

Tuy nhiên, dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn cho thấy những người học này không có nhiều cơ hội để trực tiếp giao tiếp tiếng Anh với những người nói tiếng Anh chuẩn mực như là các GV tiếng Anh, người bản ngữ. Những SV này tham khảo cách phát âm qua các kênh Youtube, VOA và CNN. Một số SV khác cũng có thời gian tham gia vào các câu lạc bộ tiếng Anh nhằm nâng cao khả năng nói tiếng Anh của mình. Đó cũng có thể là lí do mà câu “*Tôi luôn nghĩ về việc cải thiện khả năng tiếng Anh*” đạt được số điểm cao nhất trong nhóm cũng như cao nhất trong bảng câu hỏi điều tra, với mức trung bình 4.22.

Nói tóm lại, kết quả của phiếu điều tra đã cho thấy rằng NL tự chủ trong việc học tiếng Anh của SV ĐH chỉ tương đương ở cấp độ trung bình. Cho dù ý thức về vai trò của tiếng Anh trong nhà trường cũng như trong xã hội đã được nâng cao và tác động đến ý thức người học, nhưng họ vẫn còn thụ động, trông chờ quá nhiều vào GV và các nguồn học liệu truyền thống có sẵn. Người học cũng không tự tìm tòi phương pháp học để có một cách học hiệu quả hơn.

#### 2.4. Thảo luận

Số liệu điều tra đã chỉ ra rằng, NL tự chủ trong học tập tiếng Anh của SV Trường ĐH Vinh chỉ đạt mức độ trung bình. Nhìn từ hai yếu tố văn hóa và GD, ta có thể giải thích kết quả đó như sau:

Xét về khía cạnh văn hóa, ở Việt Nam, sự kính trên nhường dưới đã tạo nên những người học trò vâng lời và tôn trọng Thầy/Cô giáo. GV là được kính trọng và được xem như nguồn tri thức chính của người học. Điều đó được thể hiện qua các câu tục ngữ: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” hoặc trong câu “Không Thầy đó mày làm nên”. Chính vì vậy, đánh giá chuẩn mực của một người học trò giỏi thường là những học trò ngoan ngoãn trong lớp, biết vâng lời Thầy/Cô, chăm chú nghe Thầy/Cô giảng bài mà không cần đặt câu hỏi. “Đó cũng là lí do vì sao những câu hỏi như “Các em có câu hỏi gì không?” thường rơi vào im lặng” (Quỳnh, 2013, p.15).

Bên cạnh đó, cho dù phương pháp dạy hiện đại đã được áp dụng vào nền GD Việt Nam từ những năm 90 (Lê Văn Canh, 2011), nhưng thực tế áp dụng chủ yếu dựa vào phương pháp truyền thống, một phương pháp thiếu tính khuyến khích sự chủ động của người học. Nguyễn (2007a) đã chỉ ra rằng chương trình tiếng Anh được áp dụng trong các trường phổ thông và ĐH vẫn còn nặng về từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu, HS chủ yếu học để vượt qua các kì thi.

Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 đã thống kê được chất lượng đội ngũ GV còn hạn chế, phương pháp dạy còn có sự chênh lệch giữa GV thành phố và các vùng miền khác. Thực tế rằng, phần lớn những SV tham gia nghiên cứu đều đến từ các vùng nông thôn, miền núi, chỉ có khoảng 15%

người tham gia đến từ các thành phố vùng Bắc Trung Bộ. Chính vì vậy, họ vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của hạn chế từ GV. GV và sách vở được xem như nguồn kiến thức cơ bản. Phương pháp dạy truyền thống cũng không khuyến khích người học tò mò để tìm tòi những kiến thức khác ngoài sách giáo khoa. Cho dù Internet đã mang đến một nguồn học liệu phong phú cho người học trên thế giới.

Theo thống kê, có 99% SV Việt Nam sử dụng mạng xã hội (Trần Thị Minh Đức & Bùi Thị Hồng Thái, 2014), nhưng mục đích sử dụng để hỗ trợ việc học tập không nằm trong 5 nhu cầu quan trọng nhất, họ vẫn xem đó như là nguồn tương tác, trao đổi với bạn bè, giải trí, kinh doanh và thể hiện bản thân.

Tất cả những yếu tố khách quan nêu trên đã góp phần tạo ra những SV thụ động, NL tự học hạn chế, không chỉ trong môn tiếng Anh và cả những môn học khác. Kết quả này cùng kết luận với kết quả của những nghiên cứu trước đây (Hoàng Văn Vân, 2014; Lê Văn Canh, 2011; Lê Xuân Quỳnh, 2013; Nguyễn Thị Hồng và các tác giả khác, 2015).

### **3. Kết luận và kiến nghị**

Dựa vào những kết quả của điều tra, có thể thấy rằng NL tự học tiếng Anh của SV còn rất hạn chế. Cho dù SV luôn ý thức và mong muốn được cải thiện NL tiếng Anh của mình nhưng phương pháp, cách tiếp cận trong việc học tiếng Anh cần phải thay đổi. Dưới đây là một số đề xuất về phương pháp dạy và học để nâng cao NL tự học tiếng Anh cho SV, từ đó nâng cao NL tiếng Anh cho SV.

Kết quả cho thấy rằng, SV còn phụ thuộc quá nhiều vào GV về việc khai thác kiến thức, mặt khác họ lại không dám trực tiếp tiếp cận với GV tiếng Anh của mình. Một trong những giải pháp được đề xuất là thiết lập một kênh thông tin do GV quản lý để SV có thể trao đổi những thắc mắc của mình. Kênh thông tin đó có thể là một nhóm trên mạng xã hội như Zalo, Facebook.

Tuy nhiên, để nhóm hoạt động hiệu quả thì phải có một quy chế hoạt động phù hợp, tránh việc quá tải cho người dạy. GV nên có những phương pháp phù hợp để việc dạy học tập trung vào việc khai thác khả năng tìm tòi của người

học. Tham khảo “lớp học đảo ngược” (Reidsema et al., 2017) có thể là một trong những nguồn hỗ trợ giải pháp này.

Sự bùng nổ của công nghệ 4.0 mang lại rất nhiều lợi ích cho việc học tiếng Anh và hướng dẫn người học tận dụng nó một cách hiệu quả là nhiệm vụ của người GV. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, SV quan tâm đến việc tìm hiểu nguồn học liệu phù hợp nhưng không biết cách biến đổi đó thành hiệu quả học tập. GV nên là những người giới thiệu, hướng dẫn cho người học nhưng nguồn học liệu đáng tin cậy, đồng thời hướng dẫn SV của mình sử dụng những nguồn học liệu phù hợp nhất. GV cũng nên lưu ý về sự khác biệt về nhu cầu và phong cách học của mỗi SV để giới thiệu những trang web phù hợp. Ví dụ, đối với những SV thích học nghe thì trang web [www.esl-lab.com](http://www.esl-lab.com) rất hữu ích, đối với những SV muốn tra dồi vốn từ vựng thì [www.memrise.com](http://www.memrise.com) có thể hỗ trợ, để tra dồi kỹ năng nói thì nên tham khảo trang web của Oxford online English.

Thực tế cho thấy rằng, người nước ngoài ở Trường ĐH Vinh và ở thành phố Vinh không nhiều nên cơ hội cho SV tiếp xúc với thực tế để thực hành tiếng Anh của mình cũng hạn chế. Chính vì vậy, giới thiệu và lên lịch cho các SV của mình tham gia vào các hoạt động cộng đồng tiếng Anh trong và ngoài trường là giải pháp phù hợp để người học có thể thực hành và nâng cao khả năng kiểm soát ngôn ngữ của mình.

Việc học tiếng Anh không chỉ nên diễn ra trong lớp học truyền thống. GV có thể phối hợp với Ban tổ chức các hoạt động các câu lạc bộ để sắp xếp lịch cho SV của mình tham gia vào các buổi sinh hoạt ở đó. SV có thể làm quen với việc thực hành tiếng Anh ngoài lớp học, hình thành thói quen và nâng cao NL tự học tiếng Anh của mình theo thời gian.

Tóm lại, NL tự chủ trong việc học nói chung và việc học tiếng Anh nói riêng cần được xây dựng, bồi đắp theo lộ trình và từ nhiều khía cạnh khác nhau. NL đó có thể là từ góc độ quá trình học, kiểm soát học liệu và khả năng kiểm soát môn học đó. Cho dù sự phát triển của công nghệ đã ít nhiều ảnh hưởng đến tính chất của việc dạy và học trong nhà trường, tầm quan trọng tối ưu của người dạy là không thể phủ nhận.

---

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Thương Nguyễn, (2017), Vietnam's national foreign language 2020 project after 9 years: A difficult Stage. *The Asian Conference on Education & International Development 2017*, Retrived from Official Conference Proceedings. Taiwan.
- [2] Nguyễn Thị Lành, Phạm Thị Lương Giang, Nguyễn Thị Phương Thảo, (2018), *Thực trạng năng lực tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Vinh*. Tạp chí Giáo dục, Số 436 (2), tr.60-63.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình giáo dục tổng thể*. <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/LETzPhj5sGGnDii#pdfviewer>
- [4] Benson, P.,(2007), *Autonomy in language teaching and learning*, Language Teaching, 40, pp.21-40.
- [5] Trần Thị Minh Đức, Bùi Thị Hồng Thái, (2014), *Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, Số 8 (81), tr.50-61.
- [6] Hoàng Văn Vân, (2014), *The current situation and issues of the teaching of English in Vietnam*. Retrieved from [http://r-cube.ritsumei.ac.jp/bitstream/10367/4129/1/LCS\\_22\\_1pp7-18\\_HOANG.pdf](http://r-cube.ritsumei.ac.jp/bitstream/10367/4129/1/LCS_22_1pp7-18_HOANG.pdf).
- [7] Lê Văn Canh, (2011), *Form-focused instruction: a case study of Vietnamese teachers' beliefs and practices*. PhD thesis. University of Waikato. New Zealand.
- [8] Lê Xuân Quỳnh, (2013), *Fostering learner autonomy in language learning tertiary education: in intervention study of students in Hochiminh city in Vietnam*. MA thesis, The University of Nottingham.
- [9] Nguyễn Thị Hồng., Fehring, H., & Warren, W. ,(2015), *EFL teaching and learning at a Vietnamese University: What do Teachers say?* English Language Teaching, 8(1), 35-45.
- [10] Reidsema, C., Kavanagh, L., Hadgraft, R., Smith, N. , (2017), *The flipped classroom: Practice and Practices in Higher Education (Eds.)*. Gateway East, Singapore: Springer.
- 

## CURRENT STATUS OF STUDENTS' AUTONOMY IN LEARNING ENGLISH AT VINH UNIVERSITY

**Le Thi Tuyet Hanh**

Vinh University  
 182 Le Duan, Vinh city, Nghe An province, Vietnam  
 Email:lehanh@vinhuni.edu.vn

**ABSTRACT:** *The concept of autonomy in learning has attracted much attention from educators all over the world. This study was conducted among first year students at Vinh University through questionnaires and follow-up interviews. The findings show that students' autonomy in learning English was limited and teachers still played an important role in their learning process. On the basis of the findings, the study suggests some solutions for improving English teaching and learning activities in order to enhance students' English learning autonomy.*

**KEYWORDS:** *Autonomy competency; autonomy in learning; English; control.*